

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/DS - PT

Ngày: 10/3/2021

V/v “*tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 2 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2020/DS – ST ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2021/QĐ – PT ngày 18 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Thắng H, sinh năm: 1961;

2. Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1960;

Cùng địa chỉ: Tổ nhân dân tự quản (NDTQ) số 4, ấp N, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

1. Bà Đỗ Thị B, sinh năm: 1963;

2. Ông Đinh Văn R, sinh năm: 1963;

Cùng địa chỉ: Tổ NDTQ số 7, ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện hợp pháp của ông R:* Bà Đỗ Thị B. (Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2020)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Đinh Thị Tuyết M, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Tổ NDTQ số 7, ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Tuyết M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Thắng H và bà Phạm Thị T cùng trình bày:

Vào năm 2012, ông bà có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo với bà Đỗ Thị B, hai bên chỉ thỏa thuận miệng. Theo thỏa thuận, ông bà cung cấp thức ăn chăn nuôi cho bà B đến khi heo xuất chuồng thì bà B sẽ thanh toán tiền. Khi giao thức ăn, ông bà có lập sổ theo dõi về việc giao nhận thức ăn, mỗi bên giữ một quyển sổ.

Đến ngày 01/01/2013, ông bà và bà B ký kết hợp đồng mua bán. Hai bên thống nhất, ông bà cung cấp thức ăn chăn nuôi với giá tiền mặt theo giá thị trường; về lãi suất, nếu bà B thiếu tiền nợ gốc từ 01 tháng trở lên thì tính mức lãi suất là 01%/tháng.

Trong quá trình mua bán, bà B nhiều lần vi phạm thỏa thuận, heo xuất chuồng nhưng không trả tiền cho ông bà. Ông bà nhiều lần yêu cầu bà B trả tiền nhưng bà B không thực hiện. Từ ngày 18/6/2017 (âm lịch), ông bà ngừng cung cấp thức ăn chăn nuôi đối với bà B.

Theo tờ cam kết ngày 02/5/2018 (âm lịch), tổng số tiền bà B còn nợ ông bà là 888.698.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi hai bên tiến hành đối chiếu sổ thì tính đến ngày 18/6/2017 (âm lịch) tổng số tiền bà B còn nợ là 874.261.000 đồng, trong đó, tiền gốc là 665.675.000 đồng, tiền lãi tính với mức lãi suất 01%/tháng là 208.586.000 đồng.

Sau đó, bà B có trả tiền cho ông bà nhiều lần với tổng số tiền là 48.000.000 đồng, còn nợ lại 826.261.000 đồng, trong đó: Tiền gốc: 617.675.000 đồng, tiền lãi: 208.586.000 đồng.

Mặc dù, bà B đại diện ký thỏa thuận mua bán với ông bà nhưng bà B chăn nuôi nhằm mục đích phục vụ kinh tế trong gia đình, chăn nuôi trong thời gian dài, trong thời gian chăn nuôi thì bà B và ông Đinh Văn R là vợ chồng hợp pháp, ông

R biết việc bà B mua thức ăn của ông bà và nhiều lần giao thức ăn thì ông R có nhận. Đối với chị Đinh Thị Tuyết M là con ruột của ông R và bà B, mục đích bà B chăn nuôi heo để lo cho chị M đi học và chị M đồng ý cùng bà B có nghĩa vụ trả nợ cho ông bà nên đã ký tên vào tờ cam kết nợ ngày 02/5/2018. Do đó, ông bà yêu cầu ông R và chị M có nghĩa vụ liên đới cùng bà B trả nợ.

Nay ông bà yêu cầu ông Đinh Văn R, bà Đỗ Thị B và chị Đinh Thị Tuyết M có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 826.261.000 đồng và yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc 617.675.000 đồng, thời gian tính từ ngày 05/10/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0.83%/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Văn R là bà Đỗ Thị B trình bày:

Vào tháng 02/2012 (âm lịch), bà có thỏa thuận mua thức ăn chăn nuôi của bà Phạm Thị T, bà thống nhất với trình bày của bà T về hình thức hợp đồng, giá tiền, phương thức giao nhận thức ăn, lãi suất chậm trả và phương thức thanh toán tiền.

Thời gian đầu bà thanh toán tiền cho bà T như thỏa thuận nhưng sau đó do quá trình chăn nuôi heo bị dịch bệnh, giá heo không ổn định nên nhiều lần bán heo bà không trả hết tiền nợ thức ăn cho bà T.

Sau khi hai bên tiến hành đối chiếu sổ thức ăn, tính đến ngày 18/6/2017 (âm lịch) tổng số tiền bà còn nợ bà T là 874.261.000 đồng, trong đó, tiền gốc là 665.675.000 đồng, tiền lãi tính với mức lãi suất 01%/tháng là 208.586.000 đồng.

Sau khi chốt nợ, bà có trả tiền cho bà T nhiều lần, trong đó: Số tiền 48.000.000 đồng bà T có ghi vào sổ thức ăn và đồng ý trừ số tiền này vào tiền nợ gốc; vào ngày 10/5/2017 (âm lịch) bà trả cho bà T số tiền 15.000.000 đồng có ghi vào sổ thức ăn nhưng bà T cho rằng đó là bà trả tiền lãi nên gạch bỏ trong sổ không trừ vào tiền nợ gốc cho bà; số tiền 130.000.000 đồng bà trả cho bà T chỉ nói miệng và đưa tiền, không viết biên nhận.

Như vậy, tổng số tiền bà còn nợ bà T là 681.261.000 đồng, trong đó: Tiền gốc là 472.675.000 đồng và tiền lãi là 208.586.000 đồng.

Việc chăn nuôi là do bà tự thỏa thuận với bà T. Tuy nhiên, bà và ông R là vợ chồng hợp pháp, mục đích việc chăn nuôi là để phục vụ kinh tế trong gia đình nên ông R có nghĩa vụ cùng bà trả nợ. Đối với chị M, mặc dù chị M có ký tên vào tờ cam kết nhận nợ ngày 02/5/2018 nhưng trong thời gian bà chăn nuôi heo thì chị M đã lập gia đình và sống riêng, không có chăn nuôi heo và không thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi với bà T nên không có nghĩa vụ liên đới trả tiền thức ăn cho bà T.

Bà và ông R đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T và ông Thắng H số tiền nợ gốc là 472.675.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi tất nợ, không đồng ý trả số tiền lãi là 208.586.000 đồng.

Ông Đinh Văn R thống nhất với ý kiến trình bày của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Tuyết M vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và phiên tòa sơ thẩm, chị M cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của chị về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà T và ông Thắng H tại cấp sơ thẩm.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện M đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2020/DS – ST ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M đã tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Thắng H và bà Phạm Thị T, cụ thể: Buộc bà Đỗ Thị B, ông Đinh Văn R và chị Đinh Thị Tuyết M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Thắng H và bà Phạm Thị T số tiền thức ăn chăn nuôi là 871.787.000 đồng (Tám trăm bảy mươi một triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 602.675.000 đồng (Sáu trăm lẻ hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi là 269.112.000 đồng (Hai trăm sáu mươi chín triệu một trăm mười hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/11/2020 chị Đinh Thị Tuyết M có kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung không đồng ý nghĩa vụ liên đới cùng với bà B, ông R trả cho ông Thắng H, bà T số tiền thức ăn chăn nuôi là 871.787.000 đồng (tám trăm bảy mươi một triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 602.675.000 đồng (sáu trăm lẻ hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi là 269.112.000 đồng (hai trăm sáu mươi chín triệu một trăm mười hai nghìn đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị M vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ông H cung cấp xác nhận của Công an xã C thể hiện chị M đã tách hộ khẩu từ hộ ông Đinh Văn R. Ông H cho rằng chị M cũng làm ăn kinh tế chung với cha mẹ nên không đồng ý kháng cáo của chị M.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: đề nghị chấp nhận kháng cáo của chị M, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không buộc nghĩa vụ liên đới của chị M đối với khoản nợ của bà B, ông R nợ ông H, bà T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các bên đương sự thống nhất về việc xác lập hợp đồng mua bán thức ăn giữa ông Nguyễn Văn Thắng H, bà Phạm Thị T và bà Đỗ Thị B. Theo đó, bà B còn nợ ông Thắng H, bà T số tiền thức ăn chăn nuôi là 871.787.000 đồng, trong đó tiền gốc là 602.675.000 đồng và tiền lãi là 269.112.000 đồng. Bà B, ông R đồng ý cùng liên đới trả cho ông Thắng H, bà T số tiền nêu trên, phần này của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[2] Xét kháng cáo của chị Đinh Thị Tuyết M về nghĩa vụ liên đới cùng với bà B, ông R trả cho ông Thắng H, bà T số tiền thức ăn chăn nuôi là 871.787.000 đồng:

Trong quá trình giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi giữa ông H, bà T và bà B, ông R thì chị M hoàn toàn không tham gia giao dịch. Hợp đồng mua bán thức ăn cũng chỉ có bà B đứng ra ký kết. Bà B, ông R là vợ chồng hợp pháp, cùng chăn nuôi để tạo kinh tế gia đình. Năm 2012, chị M đã kết hôn và có gia đình riêng. Tờ cam kết ngày 02/5/2018 (âm lịch) mặc dù chị M đã ký tên nhưng không có nội dung thể hiện chị M đồng ý trả nợ cùng hay bảo lãnh trả nợ cho ông H, bà T. Xác nhận ông H cung cấp chỉ thể hiện việc tách nhân khẩu, không thể hiện việc có giao dịch với ông H, bà T hay có tham gia chăn nuôi với bà B, ông R nên theo quy định của pháp luật dân sự không được xem là chị M có nghĩa vụ liên đới. Do đó, Tòa sơ thẩm buộc chị M có nghĩa vụ liên đới cùng bà B, ông R trả nợ là chưa phù hợp, kháng cáo của chị M là có cơ sở chấp nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên chị M không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của chị Đinh Thị Tuyết M.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2020/DS – ST ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Thắng H và bà Phạm Thị T, cụ thể: buộc bà Đỗ Thị B, ông Đinh Văn R có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Thắng H và bà Phạm Thị T số tiền thức ăn chăn nuôi là 871.787.000 đồng (tám trăm bảy mươi một triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 602.675.000 đồng (sáu trăm lẻ hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi là 269.112.000 đồng (hai trăm sáu mươi chín triệu một trăm mười hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Đỗ Thị B, ông Đinh Văn R có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.153.610 đồng (ba mươi tám triệu một trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm mười đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Thắng H và bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí là 19.660.000 đồng (mười chín triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0010482 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Đinh Thị Tuyết M không phải chịu. Hoàn tạm ứng án phí đã nộp cho chị M số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003046 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Dũng